TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 40/2017/DS-PT
Ngày 22 - 9 - 2017
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất, đòi bồi thường thiệt hại về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hồng;

Các Thẩm phán: Ông Chu Thế Vương;

Bà Chu Lệ Hường.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Chu Thị Phương Thảo – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa***: Bà Lăng Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2017/TLPT-DS ngày 07 tháng 8 năm 2017 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại về tài sản do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 20/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 69/2017/QĐ-PT ngày 08/9/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Chu Thị P. Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; Có mặt;

- *Bị đơn*: Ông Lương Đình K. Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt;

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên nguyên đơn:*

1. Anh Lăng Văn L; Vắng mặt;

2. Chị Hoàng Thị X; Vắng mặt;

3. Anh Lăng Văn H; Vắng mặt;

4. Chị Hoàng Thị L; Có mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

5. Ông Lăng Văn P; Vắng mặt;

6. Chị Lăng Thị T; Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Bản T, xã M, huyện P, tỉnh Sơn La;

7. Chị Lăng Thị E. Địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt;

8. Bà Lăng Thị M; Vắng mặt;

9. Chị Lăng Thị T1; Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

10. Bà Lăng Thị M1. Địa Chỉ: Thôn N, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

11. Bà Lăng Thị T2. Địa chỉ: Thôn K, xã K, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

12. Bà Lăng Thị T3. Địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên bị đơn:*

13. Bà Lành Thị T; có mặt;

14. Bà Lương Thị M; Vắng mặt;

15. Bà Lương Thị T; Vắng mặt;

16. Ông Lương Văn Q; Vắng mặt;

17. Ông Lương Tài T; Vắng mặt;

18. Ông Hứa Văn Y; Vắng mặt;

19. Bà Lương Thị K; có mặt;

Cùng địa chỉ: Bản N, thôn Q, xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn;

20. Ông Lương Hùng M. Địa chỉ: Đường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Vắng mặt;

21. Ông Lương Đình C. Địa chỉ: Đường B, phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu; Vắng mặt;

22. Bà Lương Thị Ánh T. Địa chỉ: Đường N, phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; Vắng mặt;

23. Ông Lương Văn H. Địa chỉ: Đường V, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; Vắng mặt;

24. Lương Thị P. Địa chỉ: Khu phố M, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Vắng mặt;

25. Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn T, Chủ tịch UBND xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của các chị Lương Thị M, Lương Thị T, các anh Hứa Văn Y, Lương Văn Q, Lương Tài T, bà Lương Thị Ánh T, ông Lương Đình C, ông Lương Văn H, bà Lương Thị P: Ông Lương Đình K. (theo các văn bản ủy quyền ngày 12/9/2017, ngày 30/8/2017, ngày 01/9/2017).

- *Người kháng cáo*: Ông Lương Đình K, là bị đơn;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Chu Thị P và ông Lương Đình K tranh chấp quyền sử dụng đối với diện tích đất 1.356,6m^2 tại địa danh K, thôn B, xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, có các phía tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp đất ông Lăng Văn L; phía Tây giáp với đất của ông Lăng Văn N, ông Lương Đình K; phía Nam giáp đất ông Tôn Văn T; phía Bắc giáp đất của ông Lăng Văn L và bà Hoàng Thị L. Trên diện tích đất tranh chấp không có tài sản, đất tranh chấp thuộc loại đất trồng cây hàng năm, hai bên đương sự đều chưa được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ).

Theo bà Chu Thị P thì đất tranh chấp nguồn gốc là của ông cha để lại, sau đó bố mẹ chồng bà chia cho vợ chồng bà quản lý từ năm 1971, khi chia chỉ nói miệng không lập văn bản. Vợ chồng bà canh tác liên tục chưa bỏ năm nào. Năm 2000 bà đã trồng một bụi cây tre, nhiều cây hồi nhưng chỉ sống khoảng 06 cây và 04 cây quýt. Đến năm 2010, gia đình ông Lương Đình K đến tranh làm vườn và chặt hết cây hồi, cây ăn quả trên đất, từ đó xảy ra tranh chấp cho đến nay.

Về phía ông Lương Đình K cho rằng diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc là do bố mẹ và ông khai phá từ năm 1968, gia đình trồng hoa màu ngô, sắn năm 1993 chuyển sang trồng hồi, cam. Năm 2008 bà Chu Thị P đến đất tranh chấp làm một vụ, sau khi phát hiện gia đình ông không cho làm nữa, sau đó gia đình ông tiếp tục quản lý năm 2010, số cây cam trồng trên đất bị thoái hóa nên ông đã chặt bỏ, thì xảy ra tranh chấp, năm 2010 bà Chu Thị P chỉ tranh chấp phần diện tích 543,9m^2 phần diện tích còn lại 812,7m^2 gia đình ông vẫn đang sử dụng ổn định. Sau khi bà Chu Thị P khởi kiện lần đầu, Tòa án đi xuống đo đạc năm 2016 thì bà Chu Thị P lại mở rộng diện tích tranh chấp lên phần gia đình ông đang sử dụng 812,7m^2, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị P và yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ đất tranh chấp.

Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ, huyện V xác định: Đất tranh chấp giữa bà Chu Thị P và ông Lương Đình K chưa gia đình nào được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tranh chấp không nằm trong diện quy hoạch giải phóng mặt bằng. Theo quy định đất chưa được Nhà nước giao thì UBND xã quản lý, nhưng thực tế diện tích đất đang gia đình ông Lương Đình K đã có quản lý sử dụng đất, UBND xã không trực tiếp quản lý đối với đất tranh chấp nên UBND xã không có yêu cầu.

Tại văn bản số 502/UBND-TNMT ngày 16/6/2017 của UBND huyện V xác định: Kiểm tra thực địa, đối chiếu với bản đồ địa chính xã Đ, diện tích đất

tranh chấp giữa bà Chu Thị P và ông Lương Đình K nằm trong tổng diện tích thửa đất số 175 có diện tích 10.441m^2 tờ bản đồ số 19 bản đồ địa chính đất nông nghiệp xã Đ đo vẽ năm 2007; Thửa đất số 175 chưa có hộ gia đình nào kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thuộc quy hoạch là đất sản xuất nông nghiệp. Diện tích đất tranh chấp tiếp giáp với thửa số 78 (cấp GCNQSDĐ cho gia đình bà Hoàng Thị L), thửa số 79 (cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông **Nguyễn Văn Đ**), thửa số 100 (cấp GCNQSDĐ cho gia đình bà Lăng Thị V), thửa số 101 (cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông Lăng Văn L), thửa số 102 (chủ sử dụng đứng tên Lăng Văn Nhu chưa được cấp GCNQSDĐ).

Với nội dung như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 20/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Áp dụng các Điều 26, 143; 147; 156; 157; 158;165; 271; 273; 278 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 115, 189 Bộ luật dân sự 2015; Điều 100; 203 Luật đất đai năm 2013; Khoản 4, điều 18; khoản 1, 4 Điều 27 Pháp lệnh số 10/UBTVQH12 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quyền sử dụng đất: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị P, cụ thể bà Chu Thị P được quản lý sử dụng diện tích 543,9m^2 đất; Ông Lương Đình K được quản lý sử dụng diện tích 812,7m^2 tại K, thôn B, xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (có sơ họa kèm theo).

2. Về yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản: Bác yêu cầu của bà Chu Thị P đòi ông Lương Đình K bồi thường 2.700.000đ giá trị tài sản bị hủy hoại vì không có căn cứ.

3. Về chi phí tố tụng: bà Chu Thị P và ông Lương Đình K mỗi người phải chịu 1.175.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Bà Chu Thị P đã nộp tạm trước 2.350.000đ, ông Lương Đình K phải trả lại cho bà Chu Thị P số tiền 1.175.000đ.

4. Về án phí: Ông Lương Đình K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 870.000đ, hoàn trả cho bà Chu Thị P số tiền tạm ứng án phí.

Ngày 28/6/2017 ông Lương Đình K kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu được quản lý toàn bộ diện tích 1.356,6m^2 đất tranh chấp. Tại phiên tòa ông Lương Đình K thay đổi nội dung kháng cáo, ông kháng cáo yêu cầu được quản lý sử dụng diện tích 543,9m^2 đất mà án sơ thẩm đã quyết định cho bà Chu Thị P được quản lý sử dụng, rút phần nội dung kháng cáo đối với 812,7m^2, các nội dung khác của án sơ thẩm ông đồng ý, lý do: Diện tích 543,9m^2 đất gia đình ông quản lý sử dụng ổn định, trước đó gia đình ông có trồng một số cây hồi, cây cam năm 2010 ông chặt cam và hồi đi để trồng hoa màu là ngô, khoai, sắn thì bà Chu Thị P đến tranh chấp, mỗi lần xã hòa giải giải quyết thì bà Chu Thị P mở rộng diện tích tranh chấp, bà Chu Thị P cho rằng ông chặt cây hồi và cây quýt của bà nhưng thực tế trên đất không có cây do bà Chu Thị P trồng, chỉ có hồi và cam do ông trồng, ông đã chặt đi do hiệu quả kinh tế thấp. Khi xảy ra tranh chấp trên đất đã không còn cây. Ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại việc thu thập chứng cứ và tư cách người làm chứng mà Tòa án sơ thẩm lấy làm căn cứ để giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

Về kháng cáo của người kháng cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đều trong thời hạn luật định, do đó, kháng cáo và kháng nghị là hợp lệ;

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự có mặt tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Đất tranh chấp 543,9m^2 cả hai bên đương sự đều cho rằng có nguồn gốc do cha mẹ để lại đều trực tiếp quản lý sử dụng, trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không có tài liệu chứng minh nguồn gốc và quá trình quản lý đất, cả hai đều chưa được cấp GCNQSDĐ. Bản án sơ thẩm cho rằng bà Chu Thị P có quá trình quản lý sử dụng đất, được ông Nguyễn Văn Đ và bà Lăng Thị V xác nhận trên cơ sở đó quyết định cho bà Chu Thị P được quản lý sử dụng diện tích 543,9m^2. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm Tòa án không đưa ông Đ, bà V tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng để tiến hành lấy lời khai mà chỉ lập biên bản xác minh sau khi Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm ông Lương Đình K không chấp nhận ý kiến của người làm chứng như trong nhận định của án sơ thẩm. Việc thu thập, đánh giá chứng cứ của cấp sơ thẩm chưa đảm bảo giá trị pháp lý của chứng cứ, để sử dụng làm căn cứ giải quyết vụ án, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự. Vì vậy cần hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện V để giải quyết lại vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 BLTTDS hủy toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Chu Thị P và ông Lương Đình K tranh chấp 1.356,6m^2 thuộc một phần diện tích thửa đất số 175 tờ bản đồ số 19 bản đồ địa chính đất nông nghiệp xã Đ đo vẽ năm 2007, hai bên đương sự đều chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều cho rằng có quá trình quản lý sử dụng ổn định nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh quá trình quản lý và sử dụng đất tranh chấp.

[2] Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy việc thu thập chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, dẫn đến việc giải quyết vụ án không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, cụ thể: Ngày 09/5/2017 Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2017/QĐXXST-DS, xác định ông Lăng Văn N là người làm chứng, nhưng đến ngày 14/6/2017 Tòa án mới có biên bản xác minh.

[3] Những người được Tòa án cấp sơ thẩm xác định với tư cách là người làm chứng ông Lăng Văn N, ông Nguyễn Văn Đ, bà Lăng Thị V đều từ chối không đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng. Việc lấy lời khai và thủ tục lấy lời khai của người làm chứng tại cấp sơ thẩm không tuân thủ

theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 99 BLTTDS. Nhưng cấp sơ thẩm vẫn xác định lời khai của những người này là chứng cứ để giải quyết vụ án. Như vậy là chưa có căn cứ vững chắc để giải quyết vụ án. Bản án sơ thẩm giải quyết chưa đảm bảo quyền, nghĩa vụ lợi ích hợp pháp của các đương sự. Vì vậy cần hủy án sơ thẩm chuyển hồ sơ cho cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Do hủy án sơ thẩm nên án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng khác sẽ được xem xét giải quyết khi xét xử sơ thẩm lại vụ án. Về án phí phúc thẩm do hủy án sơ thẩm để xét xử lại theo tục tục sơ thẩm nên ông Lương Đình K không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 148; khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 203 Luật Đất đai.

1. Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 20/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn về tranh chấp quyền sử dụng đất, đòi bồi thường thiệt tài sản, giữa nguyên đơn bà Chu Thị P, bị đơn ông Lương Đình K. Chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện V giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được xem xét lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Ông Lương Đình K không phải chịu án phí phúc thẩm. Trả cho ông Lương Đình K 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số AA/2012/03667 ngày 11/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA; TDS; HCTP; KTNV&THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Hồng